

## THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG ỨNG PHÓ VỚI THIÊN TAI CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Đinh Thị Hồng Vân<sup>1,+</sup>,  
Nguyễn Đình Huy<sup>2</sup>,  
Vũ Đình Bảy<sup>3</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế;

<sup>2</sup>Trường THCS Trần Cao Vân, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

<sup>3</sup>Trường Cán bộ Quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh

+Tác giả liên hệ • Email: hongvan@gmail.com

### Article history

Received: 15/12/2022

Accepted: 30/01/2023

Published: 05/3/2023

### Keywords

Education, secondary school  
students, skill, Hue city,  
disaster

### ABSTRACT

In recent decades, the combined effects of natural disasters and climate change have severely affected many children and families in Vietnam. Thua Thien Hue is one of the provinces in the Central region that suffer from plentiful natural disasters, especially storms and floods. This article presents the current situation of managing the education of disaster response skills for secondary school students in Hue city. 175 secondary school administrators and teachers participated in the questionnaire. The results show that secondary schools have made efforts to manage the education of disaster response skills for secondary school students. However, there are still limitations in planning, organizing, directing and evaluating the implementation. The results of this study are the basis for Hue city secondary schools to propose measures to improve the effectiveness of managing the education of disaster response skills for secondary school students.

### 1. Mở đầu

Thiên tai là hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động KT-XH, bao gồm bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt; sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy hoặc hạn hán; nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, cháy rừng do tự nhiên, rét hại, mưa đá, sương mù, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác (Quốc hội, 2020).

Theo Quỹ Nhi đồng Liên Hiệp quốc tại Việt Nam (UNICEF), chỉ trong tháng 10/2020, miền Trung Việt Nam đã đón 3 cơn bão nhiệt đới lớn, gây ra lũ lụt nghiêm trọng và sạt lở đất khiến ít nhất 174 người thiệt mạng, hàng triệu người phải di dời và khoảng 2,5 triệu trẻ em bị tác động trực tiếp bởi thiên tai này (UNICEF Việt Nam, 2020). Thừa Thiên Huế là một trong những tỉnh thành ở miền Trung chịu nhiều thiên tai, đặc biệt là bão, lụt.

Trong những thập kỉ vừa qua, tác động tổng hợp của thiên tai và biến đổi khí hậu gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trẻ em và các gia đình tại Việt Nam, đặc biệt là những nhóm thiệt thòi nhất như trẻ em nghèo, trẻ em khuyết tật, trẻ em dân tộc thiểu số hoặc trẻ em di cư (CDRSS, 2006). Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra ba khía cạnh mà thiên tai có thể gây hại và ảnh hưởng thường xuyên, lâu dài cho trẻ em là: (1) Gây tổn hại đến sức khỏe thể chất của trẻ em. Trẻ em có thể bị thương hoặc thiệt mạng nhưng cũng có thể bị những vấn đề như suy dinh dưỡng do gián đoạn nguồn cung cấp thực phẩm hoặc bệnh tiêu chảy do nguồn nước bị ô nhiễm. Hơn nữa, thiên tai có thể cắt đứt khả năng tiếp cận với dịch vụ chăm sóc y tế, ngay cả đối với các bệnh không liên quan đến thiên tai; (2) Gây ra các vấn đề về sức khỏe tâm thần. Thiên tai không chỉ gây căng thẳng và sợ hãi mà trẻ em có thể bị tổn thương về tâm lí do nhà cửa và tài sản bị thiệt hại, từ sự di cư, từ nỗi đau mất mát người thân, từ việc nhìn thấy cha mẹ hoặc người chăm sóc phải trải qua căng thẳng, bị bỏ bê và lạm dụng...; (3) Làm gián đoạn việc học của trẻ em, khiến các gia đình phải di dời, phá hủy trường học và đẩy trẻ em vào con đường lao động để giúp gia đình kiếm sống trong lúc túng quẫn (Kousky, 2016).

Mặc dù công tác giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai được triển khai trong các trường học đã đạt được một số kết quả khả quan, nhiều trường học và HS phổ thông trong cả nước đã có sự thay đổi tích cực về nhận thức, kiến thức và kỹ năng phòng ngừa thiên tai đã được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, do hạn chế về kinh phí, thời gian, địa điểm, tài liệu và những khó khăn trong việc lồng ghép vào chương trình giảng dạy ở trường phổ thông nên hiệu quả chưa được rộng khắp, vẫn còn nhiều HS ở nhiều địa phương chưa được tiếp cận giáo dục phòng ngừa thiên tai. Thiên tai vẫn liên tiếp xảy ra và ngày càng dị thường, khó đoán, gây hậu quả to lớn cho đất nước và người dân Việt Nam.

Do đó, công tác giáo dục phòng ngừa thiên tai cần phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, trên nhiều phương diện (Tong et al., 2022; Ueda et al., 2014). Để nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS THCS, công tác quản lý hoạt động này đóng vai trò quan trọng. Xuất phát từ những lý do này, nghiên cứu “*Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS THCS TP. Huế*” đã được tiến hành.

## 2. Kết quả nghiên cứu

Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát bằng bảng hỏi trên 175 CBQL, GV các trường THCS TP. Huế, trong đó, CBQL chiếm 7,43%, GV chiếm 92,57% (nữ chiếm 64%, nam 36%); tiến hành phỏng vấn 2 CBQL (được mã hoá là CBQL1, CBQL2) và 2 GV (được mã hoá là GV1, GV2).

Nghiên cứu đã thiết kế bảng hỏi nhằm đánh giá 4 hoạt động cơ bản của quản lý: Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, đánh giá. 21 nhận định đã được xây dựng với thang đo Likert 5 bậc: 1. *Kém*, 2. *Yếu*, 3. *Trung bình*, 4. *Khá*, 5. *Tốt*. Chúng tôi căn cứ vào điểm trung bình (ĐTB) của các tiêu chí khảo sát để đưa ra nhận định. Nội dung nào có ĐTB cao thể hiện nội dung đó được đánh giá cao. Khoảng phân biệt giữa các mức độ là 0,8 [theo công thức  $(Max - Min)/n$ ], như vậy ĐTB quy ước cho các mức độ là: (1) *Kém*:  $1 \leq ĐTB < 1,8$ ; (2) *Yếu*:  $1,8 \leq ĐTB < 2,6$ ; (3) *Trung bình*:  $2,6 \leq ĐTB < 3,4$ ; (4) *Khá*:  $3,4 \leq ĐTB < 4,2$ ; (5) *Tốt*:  $4,2 \leq ĐTB \leq 5$ . Nghiên cứu đã xây dựng đề cương phỏng vấn để bổ sung thông tin làm rõ thực trạng thu thập được từ bảng hỏi.

Phần mềm SPSS 21.0 đã được sử dụng để đánh giá dữ liệu thu thập được từ bảng hỏi. Các thống kê mô tả được phân tích là: phần trăm (%), ĐTB, độ lệch chuẩn (ĐLC). Với dữ liệu thu thập được từ phương pháp phỏng vấn, chúng tôi phân tích theo từng trường hợp, sau đó đối chiếu giữa các trường hợp và tìm những nội dung chung.

Theo tiếp cận chức năng, quản lý có 4 hoạt động cơ bản là: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo thực hiện, kiểm tra và đánh giá (Nguyễn Thị Mỹ Lộc và Nguyễn Quốc Chí, 2010). Sau đây là kết quả của 4 hoạt động này trong quản lý giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS THCS ở TP. Huế.

### 2.1. Thực trạng lập kế hoạch giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho học sinh

Lập kế hoạch là khâu đầu tiên của chu trình quản lý. Đây là dự định của nhà quản lý cho công việc tương lai của tổ chức về mục tiêu, nội dung, phương thức quản lý của các nguồn lực được chương trình hóa (Nguyễn Ngọc Huyền và cộng sự, 2016). Thực trạng lập kế hoạch giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS các trường THCS TP. Huế được trình bày ở bảng 1.

Bảng 1. Thực trạng lập kế hoạch giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS THCS

TT	Nội dung	Tỉ lệ (%)					ĐTB	ĐLC
		1	2	3	4	5		
1	Bản kế hoạch của nhà trường dựa trên thực trạng hiểu biết, kỹ năng của HS về kỹ năng ứng phó với thiên tai và nhu cầu của HS về giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai.	20,6	21,7	18,9	18,9	20,0	2,85	1,344
2	Bản kế hoạch của nhà trường giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS phù hợp với các văn bản chỉ đạo của ngành.	21,7	6,9	22,3	16,0	23,4	4,07	1,143
3	Bản kế hoạch của nhà trường thể hiện rõ mục tiêu, nội dung và hình thức giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS.	18,9	22,3	17,7	20,0	21,1	3,19	1,351
4	Bản kế hoạch của nhà trường có dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài lực, vật lực...) để triển khai các hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS.	19,4	16,0	25,7	17,1	21,7	3,23	1,328
5	Bản kế hoạch được lấy ý kiến trước hội đồng sư phạm nhà trường.	18,3	23,4	22,9	14,9	20,6	2,97	1,387

\* Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ( $1 \leq ĐTB \leq 5$ ); ĐLC: Độ lệch chuẩn; 1: *Kém*; 2: *Yếu*; 3: *Trung bình*; 4: *Khá*; 5: *Tốt*

Kết quả khảo sát ở bảng 1 cho thấy, công tác lập kế hoạch được thực hiện chủ yếu ở mức “trung bình”, ĐTB của các nội dung ở từ 2,89 đến 4,07, điều này chứng tỏ công tác này còn nhiều điểm hạn chế, cần có những biện pháp khắc phục.

Trong tương quan chung, nội dung được thực hiện khá hơn là “*Bản kế hoạch của nhà trường giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS phù hợp với các văn bản chỉ đạo của ngành*” với ĐTB là 4,07. Tỉnh Thừa Thiên Huế nói chung và TP. Huế nói riêng là mảnh đất phải chịu nhiều thiên tai, đặc biệt hàng năm phải gánh chịu nhiều cơn bão và trận lũ lụt. Do đó, các cơ quan ban ngành giáo dục và chính quyền địa phương đã có sự chỉ đạo sâu sắc công tác phòng chống thiên tai. Các văn bản này được các nhà trường triển khai kịp thời, nhanh chóng để đảm bảo an toàn cho HS.

Tuy nhiên, kết quả khảo sát và phỏng vấn cũng cho thấy còn nhiều điểm hạn chế trong công tác lập kế hoạch giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS THCS, đó là: Nhà trường chưa tiến hành những đánh giá về thực trạng hiểu biết, kỹ năng của HS về kỹ năng ứng phó với thiên tai và nhu cầu của HS về giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai để làm cơ sở cho việc lập kế hoạch. Bản kế hoạch của nhà trường chưa thể hiện rõ mục tiêu, nội dung và hình thức giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS. Bản kế hoạch là văn bản hướng dẫn các cá nhân và tổ chức trong nhà trường thực hiện, do đó, nhà trường cần làm rõ mục tiêu, nội dung, hình thức giáo dục. Ngoài ra, để kế hoạch được triển khai trong thực tế, việc dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài lực, vật lực...) là điều hết sức quan trọng, giúp nhà trường chủ động trong huy động nguồn lực. Do đó, các trường cần dự kiến rõ về các nguồn lực (nhân lực, tài lực, vật lực...) để triển khai các hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS. Để tạo nên sự thống nhất giữa toàn bộ cán bộ, GV, nhân viên, nhà trường cần lấy ý kiến về bản kế hoạch trước hội đồng sư phạm.

Như vậy, từ thực trạng trên, đặc biệt là dựa vào những hạn chế, các trường THCS TP. Huế cần có biện pháp để khắc phục, từ đó nâng cao hiệu quả công tác lập kế hoạch giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS THCS.

## 2.2. Thực trạng tổ chức thực hiện giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho học sinh

Tổ chức là quá trình sắp xếp và bố trí các công việc, giao quyền hạn và phân phối các nguồn lực của tổ chức sao cho chúng đóng góp một cách tích cực và có hiệu quả vào mục tiêu chung của đơn vị. Kết quả khảo sát thực trạng tổ chức thực hiện giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS các trường THCS TP. Huế được trình bày ở bảng 2.

Bảng 2. Thực trạng tổ chức thực hiện giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS THCS

TT	Nội dung	Tỉ lệ (%)					ĐTB	ĐLC
		1	2	3	4	5		
1	Nhà trường thành lập ban chỉ đạo giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS.	1,1	1,1	6,9	1,1	3,4	4,22	0,921
2	Ban giám hiệu xác định chức năng, nhiệm vụ, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên trong ban chỉ đạo và các lực lượng liên quan.	3,4	1,1	9,1	2,9	6,3	4,19	0,807
3	Nhà trường tạo mối liên hệ chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và các lực lượng xã hội trong giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS.	20,0	21,7	18,9	21,7	17,7	3,47	1,097
4	Ban giám hiệu đảm bảo điều kiện tài chính, cơ sở vật chất cho các hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS.	17,7	21,1	19,4	20,6	21,1	4,26	0,809
5	Ban giám hiệu bố trí nguồn nhân lực phù hợp đảm nhiệm các hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS.	15,4	17,7	23,4	20,0	23,4	3,65	1,016

\* Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ( $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$ ); ĐLC: Độ lệch chuẩn; 1: Kém; 2: Yếu; 3: Trung bình; 4: Khá; 5: Tốt

Kết quả khảo sát cho thấy các nội dung của công tác tổ chức thực hiện giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS THCS được đánh giá ở các mức độ khác nhau. Trong đó, những nội dung được đánh giá ở mức “khá” là: “*Nhà*

trường thành lập ban chỉ đạo giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS” và “Ban Giám hiệu xác định chức năng, nhiệm vụ, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên trong ban chỉ đạo và các lực lượng liên quan”. Nhiệm vụ của Ban chỉ đạo là xây dựng kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, đánh giá các hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS. Một CBQL chia sẻ: “Hàng năm, gần đến thời gian bão, lụt hay xảy ra, Sở, Phòng GD-ĐT đều có công văn chỉ đạo, hướng dẫn các trường phòng chống thiên tai, trong đó đều nhấn mạnh đến việc các trường cần thành lập Ban chỉ đạo phòng chống bão lụt và quy định rõ trách nhiệm của Ban chỉ đạo. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, hoạt động của Ban chỉ đạo còn mang tính chất thời điểm, tập trung vào tháng 8-11, tức là những tháng bão lụt dễ xảy ra” (CBQL1). Để giúp HS có kỹ năng ứng phó tốt với thiên tai, việc giáo dục kỹ năng này cho HS các trường cần được tiến hành thường xuyên, và đặc biệt tăng cường vào mùa dễ xảy ra thiên tai.

Dữ liệu khảo sát cũng cho thấy công tác tổ chức giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS THCS còn những hạn chế trong các nội dung: Tạo mối liên hệ chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và các lực lượng xã hội trong giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS; Bảo đảm điều kiện tài chính, cơ sở vật chất cho các hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS; Bố trí nguồn nhân lực phù hợp đảm nhiệm các hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS. Đây là những nội dung mà các trường cần có biện pháp để cải thiện.

### 2.3. Thực trạng chỉ đạo thực hiện giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho học sinh

Chỉ đạo là quá trình hướng dẫn, tạo động lực cho đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên tiến hành các hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS. Kết quả khảo sát thực trạng công tác này được trình bày ở bảng 3.

Bảng 3. Thực trạng chỉ đạo thực hiện giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS THCS

TT	Nội dung	Tỉ lệ (%)					ĐTB	ĐLC
		1	2	3	4	5		
1	Ban Giám hiệu phổ biến các văn bản triển khai công tác giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS của địa phương, ngành Giáo dục và của trường.	0,0	1,1	16,6	46,3	36,0	4,17	0,738
2	Ban Giám hiệu có những hướng dẫn, chỉ đạo cụ thể nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS.	18,3	17,7	20,6	23,4	20,0	3,09	1,395
3	Nhà trường thực hiện những biện pháp động viên, khuyến khích các cán bộ, GV, nhân viên tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS.	26,3	16,6	18,9	17,1	21,1	2,90	1,496
4	Nhà trường tạo dựng môi trường lành mạnh, hợp tác, tích cực, tương trợ lẫn nhau trong triển khai các hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS.	21,1	14,3	23,4	22,9	18,3	3,03	1,400
5	Ban Giám hiệu hỗ trợ các bộ phận gặp khó khăn trong triển khai các hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS.	21,1	18,9	21,1	24,0	14,9	2,93	1,369
6	Nhà trường điều chỉnh kịp thời những nội dung, hình thức giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS không phù hợp.	24,0	21,1	18,9	15,4	20,6	2,87	1,465

\* Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ( $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$ ); ĐLC: Độ lệch chuẩn; 1: Kém; 2: Yếu; 3: Trung bình; 4: Khá; 5: Tốt

Bảng 3 cho thấy các nội dung khảo sát được đánh giá chủ yếu ở mức “trung bình”, 5/6 nội dung ở trong khoảng điểm 2,60 đến 3,40. Chỉ có một nội dung có ĐTB ở mức điểm khá là “Ban Giám hiệu phổ biến các văn bản triển

khai công tác giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS của địa phương, ngành Giáo dục và của trường” (ĐTB=4,17). Theo chia sẻ của các GV: Khi có công văn chỉ đạo về phòng chống thiên tai, nhà trường triển khai ngay lập tức cho các GV để GV thông báo cho cha mẹ HS và HS. Có những công văn khẩn chuyên đến lúc khuya hay sáng sớm. Nhờ vậy, trong thời gian vừa qua, những thiệt hại về người và của do thiên tai cũng giảm bớt (GV1, GV2).

Khảo sát cũng cho thấy các nội dung còn lại còn nhiều hạn chế, các trường cần thực hiện tốt hơn. Một CBQL cho biết: “*Ứng phó với thiên tai là kỹ năng đòi hỏi sự hiểu biết chuyên sâu về một lĩnh vực khác với chuyên môn đào tạo của CBQL cũng như GV, do đó, Ban Giám hiệu chỉ chủ yếu chỉ đạo chung về đường lối, các biện pháp phòng ngừa phổ thông, còn đi sâu vào cụ thể nội dung, hình thức, phương pháp, cũng gặp những khó khăn nhất định. Hiện nay, chương trình giáo dục phổ thông mới có những nội dung về giáo dục phòng ngừa thiên tai trong môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, giáo dục địa phương với các tài liệu hướng dẫn cụ thể. Đây là điều kiện thuận lợi để các trường THCS có thể thực hiện tốt hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS*” (CBQL2).

#### 2.4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho học sinh

Kiểm tra, đánh giá là công cụ tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý và vai trò tác động vào đối tượng kiểm tra về ý thức, hành vi và hoạt động nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm, thúc đẩy việc thực hiện nhiệm vụ, uốn nắn, giúp đỡ sửa chữa sai sót, khuyết điểm và tăng cường hoạt động tự kiểm tra. Kết quả khảo sát thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS THCS TP. Huế được trình bày ở bảng 4.

Bảng 4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS THCS

TT	Vai trò	Tỷ lệ (%)					ĐTB	ĐLC
		1	2	3	4	5		
1	Nhà trường kiểm tra định kỳ và thường xuyên các hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS.	21,1	25,1	17,1	20,6	16,0	2,85	1,390
2	Nhà trường sử dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS.	21,1	18,3	21,1	17,7	21,7	3,01	1,444
3	Khen thưởng, biểu dương các GV, nhân viên tích cực, đạt kết quả cao trong tham gia hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS.	20,0	20,0	24,0	17,7	18,3	2,94	1,384
4	Phê bình, nhắc nhở những GV, nhân viên chưa tích cực trong hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS.	25,1	19,4	21,7	18,3	15,4	2,79	1,403
5	Tổng kết, rút kinh nghiệm sau đợt đánh giá các hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS.	20,6	16,6	18,9	18,9	25,1	3,11	1,477

\* Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ( $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$ ); ĐLC: Độ lệch chuẩn; 1: Kém; 2: Yếu; 3: Trung bình; 4: Khá; 5: Tốt

So với các nội dung khác, dữ liệu ở bảng 4 cho thấy công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS THCS TP. Huế được đánh giá ở mức thấp hơn. ĐTB của các nội dung đều nằm trong khoảng từ 2,79 đến 3,11, tức ở mức “trung bình”. Trong tương quan chung, nội dung được thực hiện hình hơn là: “*Tổng kết, rút kinh nghiệm sau đợt đánh giá các hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS*”. “*Hoạt động kiểm tra, đánh giá được tăng cường sau mỗi đợt ứng phó với bão lụt. Sau mỗi đợt triển khai các biện pháp giáo dục ứng phó với thiên tai cho HS, nhà trường đều căn cứ vào tình hình thực tiễn để điều chỉnh, rút kinh nghiệm*”, một CBQL cho biết (CBQL1). Tuy nhiên, ở đây, tính thường xuyên vẫn chưa được đảm bảo. Hoạt động kiểm tra, đánh giá vẫn chủ yếu diễn ra theo sự vụ, chủ yếu ở thời điểm bão lụt nhiều. Chính vì lẽ đó, nội dung “*Nhà trường kiểm tra định kỳ và thường xuyên các hoạt động giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS*” được đánh giá khá thấp với ĐTB là 2,85.

Các nội dung còn lại của công tác kiểm tra, đánh giá đều còn nhiều hạn chế, đòi hỏi các trường cần tìm hiểu thực trạng cũng như nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong hoạt động này để từ đó đề xuất các biện pháp cải thiện.

### 3. Kết luận

Kết quả khảo sát cho thấy các trường THCS TP. Huế đã có những nỗ lực trong quản lý giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS THCS bằng những việc làm như lập kế hoạch giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS phù hợp với các văn bản chỉ đạo của ngành; thành lập ban chỉ đạo giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS; xác định chức năng, nhiệm vụ, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên trong ban chỉ đạo và các lực lượng liên quan; phổ biến các văn bản triển khai công tác giáo dục kỹ năng ứng phó với thiên tai cho HS của địa phương, ngành giáo dục và của trường. Tuy nhiên, các nội dung còn lại của các hoạt động quản lý còn hạn chế, được đánh giá ở mức trung bình, chính vì vậy, các trường cần có những biện pháp nâng cao hiệu quả công tác này.

**Lời cảm ơn:** Nghiên cứu được tài trợ bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo trong đề tài “Nghiên cứu đề xuất mô hình giáo dục phòng ngừa thiên tai cho học sinh trung học”, mã số: B2021-HQG-02.

### Tài liệu tham khảo

- CDRSS (Committee on Disaster Research in Social Sciences) (2006). *Facing Hazards and Disasters, Understanding Human Dimensions*. The National Academies Press, Washington D.C.
- Kousky, C. (2016). Impacts of Natural Disasters on Children. *The Future of Children*, 26(1), 73-92. <https://doi.org/10.1353/foc.2016.0004>
- Nguyễn Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Đỗ Thị Hải Hà (đồng chủ biên) (2016). *Giáo trình Quản lý học*. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Nguyễn Quốc Chí (2010). *Đại cương khoa học quản lý*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Quốc hội (2020). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng, chống thiên tai và luật về điều kiện*. Luật số 60/2020/QH14, ban hành ngày 17/6/2020.
- Tong, T. T. M, Nguyen, H. T., & Park, T. Y. (2022). Chapter 9. The Practice of Education for Disaster Risk Reduction in Vietnam: Lessons Learned from a Decade of Implementation 2010-2020. *Interlocal Adaptations to Climate Change in East and Southeast Asia*, SpringerBriefs in Climate Studies, [https://doi.org/10.1007/978-3-030-81207-2\\_9](https://doi.org/10.1007/978-3-030-81207-2_9)
- Ueda, Y., Shikada, M., Matsumoto, E., Nakagawa, Y., Shaw, R. (2014). Knowledge, Education and Training for Risk Reduction: Specific Case of Myanmar, Vietnam and Japan. In: Shaw, R., Izumi, T. (eds) *Civil Society Organization and Disaster Risk Reduction*. Springer, Tokyo. <https://doi.org/10.1007/978-4-431-54877-5-8>
- UNICEF Việt Nam (2020). *2.5 million children affected as multiple natural disasters strike Viet Nam*. Truy cập từ <https://www.unicef.org/vietnam/stories/25-million-children-affected-multiple-natural-disasters-strike-viet-nam>